

THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác với Quý Công ty.

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình đang có nhu cầu Mua sắm vật tư, hóa chất cấy vi sinh năm 2026-2028 để phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện.

Kính mời Quý công ty có năng lực kinh nghiệm cung ứng hàng hóa theo yêu cầu, quan tâm cung cấp báo giá làm cơ sở cho công tác xây dựng giá danh mục Mua sắm vật tư, hóa chất cấy vi sinh năm 2026-2028.

1. Danh mục mời báo giá:

- Theo mẫu Phụ lục đính kèm Thông báo.

2. Hồ sơ báo giá:

- Đầy đủ các cột mục theo Phụ lục báo giá đính kèm Thông báo.
- Giá trong báo giá là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan.
- Hiệu lực báo giá: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.
- Bản chính Bảng báo giá phải có chữ ký, đóng dấu của người đại diện hợp pháp.

3. Thời gian nộp báo giá, hình thức gửi báo giá và nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

3.1. Thời hạn nộp báo giá:

- Từ ngày đăng thông báo đến hết ngày 03/07/2026.

3.2. Hình thức gửi báo giá:

- Bản giấy Hồ sơ báo giá gửi về nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá theo Thông báo.

- Gửi file và bản scan báo giá có đóng dấu qua email (Tiêu đề mail theo cấu trúc: Baogia-VISINH_2026-2028 - Tên Công ty)

3.3. Nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

- Khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế; Địa chỉ: số 605 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại liên hệ: 38.119.936; Di động: 0909.594.107 (Ds.Thanh An).

- Email: hoachat.bvtb@gmail.com.

Trân trọng./ *AC*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV;
- TMS;
- Lưu VT, K.Dược.

GIÁM ĐỐC



Bs. CKII. Võ Văn Hùng

Tên công ty:
Địa chỉ:
MST:
Điện thoại liên hệ:

DANH MỤC HÀNG HÓA BẢO GIÁ
Mẫu đơn vật tư, hóa chất cây vi sinh năm 2026-2028 - Bệnh viện Đa khoa Tân Bình
Thống báo số 79/TB-BVĐKTB ngày 23/06/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình



DANH MỤC BỆNH VIỆN YÊU CẦU				DANH MỤC BẢO GIÁ CỦA CÔNG TY														
STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (DVT: đồng)	Thành tiền (DVT: đồng)	
A	B	C	D	E	I(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)	
1	BỘ ĐỊNH DANH VI KHUẨN																	
1.1	Dụng dịch chuẩn phù định danh thủ công	Dụng dịch chuẩn bị huyền phù cho bộ định danh thủ công	Ống	320														
1.2	Thuốc thử oxidase	Thuốc thử dùng trong quy trình định tính phát hiện enzyme cytochrome oxidase, phân biệt vi khuẩn Gram âm oxidase âm và Gram âm oxidase dương.	ml	50														
1.3	Bộ định danh vi khuẩn Gram âm Oxidase âm	Bộ định danh thủ công vi khuẩn Gram âm oxidase âm. Thời gian phản ứng: 2 - 48 giờ.	Khay	240														
1.4	Bộ định danh vi khuẩn Gram âm Oxidase dương	Bộ định danh thủ công vi khuẩn Gram âm oxidase dương (trực khuẩn Gram âm không thuộc họ vi khuẩn đường ruột)	Khay	60														
1.5	Bộ định danh tu cầu khuẩn Gram dương	Bộ định danh tu cầu khuẩn Gram dương. Thời gian phản ứng: 2 - 48 giờ.	Khay	120														
1.6	Bộ định danh liên cầu khuẩn Gram dương	Bộ định danh liên cầu khuẩn Gram dương. Thời gian phản ứng: 2 - 48 giờ.	Khay	280														
2	ĐĨA GIẤY AMIKACIN 30µg																	
2.1	Đĩa giấy Amikacin 30µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Amikacin 30 µg/đĩa Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	150														
3	ĐĨA GIẤY AMOXICILIN/CLAVULANIC ACID 20/10µg																	

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/N-D-CP	Đơn giá (DVT: đồng)	Thành tiền (DVT: đồng)
3.1	Đĩa giấy Amoxicillin/clavulanic acid 20/10µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Amoxicillin 20 µg/đĩa và clavulanic acid 10 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn diện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	200	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)
4	ĐĨA GIẤY AZITHROMYCIN 15µg																
4.1	Đĩa giấy Azithromycin 15µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Azithromycin 15 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn diện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	50													
5	ĐĨA GIẤY CEFEPIME 30µg																
5.1	Đĩa giấy Cefepime 30µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Cefepime 30 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn diện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	250													
6	ĐĨA GIẤY CEFOTAXIME 30µg																

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU										DANH MỤC BẢO GIÀ CỦA CÔNG TY									
STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)		
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)		
6.1	Đĩa giấy Cefotaxime 30µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Cefotaxime 30 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	200															
7	ĐĨA GIẤY CEFOTAXIME/CLAV.ACID (30/10µG)																		
7.1	Đĩa giấy Cefotaxime/Clav.acid (30/10µg)	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Cefotaxime 30 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	200															
8	ĐĨA GIẤY CEFOTAXIN 30µG																		
8.1	Đĩa giấy Cefotaxin 30µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Cefotaxin 30 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	100															
9	ĐĨA GIẤY CEFTAZIDIME 30µG																		

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Kỳ mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)	
9.1	Đĩa giấy Cefazidime 30µg	Dường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Cefazidime 30 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	250														
10	ĐĨA GIẤY CEFOTAZIDIME/CLAV.ACID(30/10)µG																	
10.1	Đĩa giấy Cefazidime/Clav.acid (30/10µg)	Dường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Cefazidime 30 µg/đĩa và clavulamic acid 10 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	200														
11	ĐĨA GIẤY CEFTRIAXONE 30µG																	
11.1	Đĩa giấy Ceftriaxone 30µg	Dường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Amoxicillin 20 µg/đĩa và clavulamic acid 10 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	200														
12	ĐĨA GIẤY CEFUROXIME 30µG																	

DANH MỤC BẢO GIẢ CỦA CÔNG TY																		
STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/N Đ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)	
12.1	Đĩa giấy Cefuroxime 30µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Amoxicillin 20 µg/đĩa và clavulanic acid 10 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	200														
13	ĐĨA GIẤY CIPROFLOXACIN 5µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Amoxicillin 20 µg/đĩa và clavulanic acid 10 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	250														
14	ĐĨA GIẤY CLINDAMYCIN	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Amoxicillin 20 µg/đĩa và clavulanic acid 10 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	50														
15	ĐĨA GIẤY DOXYCYCLIN 30 µg																	

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU				DANH MỤC BẢO GIẢ CỦA CÔNG TY														
STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo NB (DVT: Đ-C/P)	Đơn giá (DVT: đồng)	Thành tiền (DVT: đồng)	
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)	
15.1	Đĩa giấy Doxycyclin 30 µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Amoxicillin 20 µg/đĩa và clavulanic acid 10 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn diện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	200														
16	ĐĨA GIẤY LEVOFLOXACIN 5µG																	
18.1	Đĩa giấy Levofloxacin 5µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Levofloxacin 5 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn diện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	350														
17	ĐĨA GIẤY LINEZOLID 30µG																	
17.1	Đĩa giấy Linezolid 30µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Linezolid 30 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn diện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	100														
18	ĐĨA GIẤY MEROPENEM 10µG																	

DANH MỤC BẢO GIẢ CỦA CÔNG TY																	
STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/N-D-CP	Đơn giá (DVT: đồng)	Thành tiền (DVT: đồng)
A	B	C	D	E	I(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)
18.1	Đĩa giấy Meropenem 10µg	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Meropenem 10 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	E 250	I(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)
19	ĐĨA GIẤY PIPERACILIN + TAZOBACTAM 100/10µG	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Piperacilin 100 µg/đĩa và tazobactam 10 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	200													
20	ĐĨA GIẤY SUFAMETHOXAZOLE/TRIMETHOPRIM 23,75/1,25µG	Đường kính đĩa: 6 mm. Nồng độ kháng sinh: Sufamethoxazole 23,75 µg/đĩa và Trimethoprim 1,25 µg/đĩa. Tinh đồng nhất: Nồng độ phân bố đều trên đĩa giấy. Độ ổn định: đĩa giấy kháng sinh cần được giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Vật liệu giấy: Giấy hấp thu tốt, không tương tác với kháng sinh. Nhãn điện: Ghi rõ tên hoặc mã kháng sinh trên đĩa. Thử nghiệm vòng kháng khuẩn đạt theo tiêu chuẩn cụ thể được quy định bởi CLSI cho từng loại kháng sinh	Đĩa	300													
21	MÔI TRƯỜNG BRAIN HEART INFUSION																



DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU				DANH MỤC BẢO GIÀ CỦA CÔNG TY													
STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo NB (DVT: đmg)	Đơn giá (DVT: đmg)	Thành tiền (DVT: đmg)
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)
21.1	Môi trường Brain Heart Infusion	Môi trường tăng sinh không chọn lọc tất cả các loại vi khuẩn, trừ H.influenzae. Môi trường lỏng đỏ sẵn thành các lọ, màu vàng.	Lọ	210													
22	THẠCH BLOOD AGAR																
22.1	Thạch Blood Agar	Môi trường nuôi cấy và thử tính chất tan máu của hầu hết các loại vi sinh vật kể cả vi sinh vật khó mọc. Môi trường đỏ sẵn thành các đĩa thạch, màu đỏ nâu, đồng nhất và không phân lớp, độ dày từ 4 - 5 mm, bề mặt láng.	Đĩa	1160													
23	THẠCH MACCONKEY AGAR																
23.1	Thạch MacConkey Agar	Môi trường nuôi cấy phân biệt các trực khuẩn Gram âm lên men lactose và không lên men lactose, đặc biệt cho vi khuẩn đường ruột dễ mọc trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng, có khả năng ức chế vi khuẩn gram dương và một số gram âm khó mọc. Môi trường đỏ sẵn thành các đĩa thạch, màu đỏ ánh tím, đồng nhất và không phân lớp, độ dày từ 4 - 5 mm, bề mặt láng.	Đĩa	790													
24	THẠCH MÔI TRƯỜNG TẠO MÀU ĐINH DANH SƠ BỘ VI KHUẨN																
24.1	Thạch môi trường tạo màu định danh sơ bộ vi khuẩn	Môi trường đỏ sẵn chưa môi trường tạo màu nhằm nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu, thành các đĩa thạch, màu trắng hoặc vàng, đồng nhất và không phân lớp, độ dày từ 4 - 5 mm, bề mặt láng. Vi khuẩn mọc tốt với khum khuẩn cho màu sắc đặc trưng.	Đĩa	120													
25	THẠCH MUELLER HINTON AGAR 90MM																
25.1	Thạch Mueller Hinton Agar 90mm	Môi trường được khuyến nghị để thực hiện kháng sinh đồ trên vi khuẩn hiếu khí, để mọc bằng phương pháp Kirby-Bauer theo tiêu chuẩn CLSI và EUCAST.	Đĩa	770													
26	QUE ETESI VANCOMYCIN																
26.1	Que Etesi Vancomycin	Môi trường đỏ sẵn thành các đĩa thạch, màu trắng nhạt, đồng nhất và không phân lớp, độ dày từ 4 - 5 mm, bề mặt láng.															

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU										DANH MỤC BẢO GIÁ CỦA CÔNG TY									
STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)		
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)		
26.1	Que Etest Vancomycin	Kích thước que: Dài 5 cm. Hiện thị nồng độ: Nồng độ kháng sinh in rõ dọc theo que. Kiểm tra chất lượng: Thử nghiệm với chủng vi sinh vật kiểm định, xác định MIC. Bảo quản: giữ trong các gói kín hoặc lọ có chất hút ẩm. Độ chính xác: Đảm bảo tính đồng nhất và kết quả chính xác.	Que	50															
27	MÔI TRƯỜNG ĐỊNH DANH LIÊN CẦU KHUẨN NHÓM B																		
27.1	Môi trường định danh liên cầu khuẩn nhóm B	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B	Đĩa	400															
28	MÔI TRƯỜNG STUART 'S AMIES																		
28.1	Môi trường Stuart 's Amies	Môi trường bán lỏng dùng để bảo quản và chuyển chở các loại bệnh phẩm khác nhau	Ống	400															
29	MÔI TRƯỜNG TODD-HEWITT + ANTIBIOTIC																		
29.1	Môi trường Todd-Hewitt + Antibiotic	Môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu phế cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS)- Streptococcus agalactiae	Ống	400															
30	ỐNG ĐO ĐỘ ĐỤC CHUẨN 0.5 MCF																		
30.1	Ống đo độ đục chuẩn 0,5 McF	Chuẩn độ đục 0.5 McFarland. Dùng cho kỹ thuật kháng sinh đồ	Ống	4															
31	ỐNG ĐO ĐỘ ĐỤC CHUẨN 2 MCF																		
31.1	Ống đo độ đục chuẩn 2 McF	Chuẩn độ đục 2 McFarland. Dùng cho kỹ thuật định danh vi khuẩn	Ống	4															
32	ỐNG NƯỚC MUỐI SINH LÝ VÔ TRÙNG																		
32.1	Ống nước muối sinh lý vô trùng	Ống nhựa chứa 3ml nước muối sinh lý vô trùng	Ống	240															
33	THẠCH SABOURAUD																		
33.1	Thạch Sabouraud	Môi trường nuôi cấy vi nấm. Môi trường đỏ sẫm thành các đĩa thạch, đồng nhất và không phân lớp, độ dày từ 4 - 5 mm, bề mặt láng, kích thước 90mm	Đĩa	120															
Tổng cộng thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan)																			

- Hiệu lực của báo giá: tới hết 6 tháng kể từ ngày 03/07/2026

Ngày tháng năm 2026
Đại diện Công ty
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

* Ghi chú:
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng.
- Danh mục có 33 lô. Công ty báo giá phải cung cấp đủ các thông tin theo mặt hàng trong từng lô trong danh mục.
- Giá ở cột 12 là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan.

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU				DANH MỤC BẢO GIÀ CỦA CÔNG TY													
A	B	C	D	E	1(1)	2(2)	3(3)	4(4)	5(5)	6(6)	7(7)	8	9(9)	10(10)	11(11)	12(12)	13(13)
STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/N-D-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)

- Các cột có dấu (*): là các cột buộc phải có thông tin, để nghị công ty báo đầy đủ.